

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST  
Ngày 28 tháng 7 năm 2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quốc Nam– Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Giản Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông T uỷ quyền cho bà H tham gia tố tụng (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/5/2021).(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2021 và quá trình làm việc tại Toà án nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

- Ngày 03/7/2014 (âm lịch), bà Nguyễn Thị H1 có vay của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H số tiền 170.000.000 đồng, khi vay hai bên thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng và hẹn khi cần trả thì báo cho bà H1 trước 10 ngày. Đến khoảng tháng 8/2018, bà H1 có trả cho vợ chồng bà H, ông T số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc, chưa trả được một khoản tiền lãi nào và còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc. Sau

đó, ông T, bà H có đòi nhiều lần nhưng bà H1 không trả cho ông T, bà H số nợ trên. Đến ngày, 24/02/2021 bà H có làm đơn kiến nghị lên Ủy ban nhân dân xã EaTíh, huyện EaKar để giải quyết số nợ 100.000.000 đồng, đồng thời báo cho bà H1 biết hạn phải trả nợ cho bà H, ông T. Ngày 08/3/2021, UBND xã EaTíh, huyện EaKar lập biên bản hoà giải về số tiền bà H1 nợ ông T, bà H 100.000.000 đồng. Tại biên bản hoà giải bà H1 đồng ý với số tiền nợ nhưng xin trả dần nhưng ông T, bà H không đồng ý. Do đã quá thời hạn thoả thuận trả nợ (báo trước 10 ngày) nhưng bà H1 không trả cho ông T, bà H khoản tiền nợ 100.000.000 đồng nên bà H, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 phải cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu bà H1 phải trả lãi.

*\* Tại bản tự khai ngày 19/5/2021 bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

- Ngày 03/7/2014 (âm lịch), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có cho bà Nguyễn Thị H1 vay số tiền 170.000.000 đồng, khi vay hai bên thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng và hạn khi cần trả thì báo cho bà H1 trước 10 ngày. Đến khoảng tháng 8/2018, bà H1 có trả cho vợ chồng bà H, ông T số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc, chưa trả được một khoản tiền lãi nào và còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà H và ông T khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả cho ông T, bà H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu tiền lãi, bà H1 đồng ý trả nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có mặt tại nơi cư trú, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà H1 vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà H1 là đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền đã vay gốc là 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

*\* Về tố tụng:*

[1] Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H1 có mặt tại nơi cư trú: Thôn Trung An, xã EaTít, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bà Nguyễn Thị H1 theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị H1 chỉ làm bản tự khai, còn lại vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H1 là đúng với quy định của pháp luật.

\* Về nội dung:

[3] Tại bản tự khai ngày 19/5/2021, bà Nguyễn Thị H1 có thừa nhận còn nợ 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H là đúng, đã quá thời gian hẹn trả nợ nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, đây là những tình tiết chứng cứ đã được các bên đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

[4] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên HĐXX cần buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ô bà Nguyễn Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (theo mức 100.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn). Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả tiền lãi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005253 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện EaKar.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện Eakar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**Nguyễn Cường Anh**